

Số: 506/BC-UBND

Tân Uyên, ngày 27 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO

Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã Mường Khoa đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 về việc Ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 935/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới của tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của Chủ tịch UBND huyện Tân Uyên về việc thành lập Đoàn thẩm tra xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn huyện Tân Uyên năm 2019;

Xét đề nghị của UBND xã Mường Khoa tại Tờ trình số 173/TTr-UBND ngày 20/12/2019 về việc thẩm tra, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019,

Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã Mường Khoa năm 2019, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày 23/12/2019 đến ngày 31/12/2019).

1. Về hồ sơ

Hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn NTM của xã Mường Khoa đảm bảo theo Quyết định 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng chính phủ; xã đã thực hiện đảm bảo theo đúng quy trình rà soát, đánh giá, lấy ý kiến các tổ chức chính trị xã hội, người dân và bỏ phiếu xét đề nghị xã đạt chuẩn NTM năm 2019.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

2.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn.

- Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Ủy ban nhân dân xã đã triển khai và hoàn thành công tác rà soát, đánh giá thực trạng 19 tiêu chí NTM. Quy hoạch chung NTM mới được xây dựng trên cơ sở các thế mạnh của xã, bám sát các tiêu chí, đồng thời đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của xã đến năm 2020. Kết quả, đã hoàn thành Quy hoạch chung xây dựng NTM xã giai đoạn 2010-2020 được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 778/QĐ-UBND ngày 25/5/2012; Đề án xây dựng NTM xã giai đoạn 2010-2020 đã được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 2554/QĐ-UBND ngày 21/12/2012; Quy chế quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 1363/QĐ-UBND ngày 26/6/2013. Ngay sau khi có Quyết định phê duyệt quy hoạch của UBND huyện, UBND xã đã công bố công khai, đúng quy định cho toàn thể Nhân dân trên địa bàn được biết, đồng thời tổ chức quản lý, thực hiện đúng theo quy hoạch đã được phê duyệt.

Việc chuyển mục đích sử dụng đất giữa các loại đất (*chuyển mục đích trong đất nông nghiệp, chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp*) được UBND xã triển khai thực hiện phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 330/QĐ-UBND ngày 04/8/2014. Việc thu hồi đất, giao đất thực hiện thực hiện các dự án, đề án trên địa bàn xã được thực hiện theo đúng Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện; năm 2018-2019, trong quá trình thực hiện xây dựng nông thôn mới như: Đường giao thông, nhà văn hóa,... UBND xã đã tuyên truyền, vận động Nhân dân hiến đất được 23.500 m², đóng góp hơn 1.200 ngày công lao động.

c) Đánh giá: **Đạt tiêu chí.**

2.2. Tiêu chí số 2 về giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm (*100% được nhựa hóa hoặc bê tông hóa; đảm bảo chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0 m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0 m*).

- Đường trục thôn, bản và đường liên thôn, bản đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (*Trên 80% được cứng hóa, đảm bảo chiều rộng mặt đường tối thiểu 2,0 m; chiều rộng của nền đường tối thiểu 3,0 m trở lên*).

- Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa (*Tối thiểu 50% cứng hóa, đảm bảo chiều rộng mặt đường tối thiểu 1,5 m; chiều rộng của nền đường tối thiểu 2,0 m trở lên*).

- Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm (*Tối thiểu 50% cứng hóa, đảm bảo chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0 m; chiều rộng của nền đường tối thiểu 4,0 m trở lên*).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Trên địa bàn xã có 95,88 km đường giao thông nông thôn, cụ thể:

- Đường liên xã có tổng chiều dài 18 km, đã được cứng hóa 100% (mặt đường rộng từ 3,0-3,5 m, nền đường rộng từ 4-5 m), đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm.

- Tổng số km đường trục bản là 24,98 km, đã được bê tông hóa là 20.24/24,98 km (mặt đường rộng 3m, nền đường rộng từ 3,5 - 4 m), chiếm tỷ lệ 81%; đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

- Tổng số km đường ngõ xóm là 27,6 km, đã được bê tông hóa 14,7/27,6 km (mặt đường rộng 3 m, nền đường rộng 3,5-4 m), chiếm tỷ lệ 53,3%; đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

- Đường trục chính nội đồng: Tổng chiều dài đường giao thông nội đồng của xã là 25,3 km, hiện đã cứng hóa được 13,3/25,3 km (mặt đường rộng 3 m, nền đường rộng 4 m), chiếm tỷ lệ 52,6%, đảm bảo đi lại sản xuất thuận tiện quanh năm.

c) Đánh giá: **Đạt tiêu chí.**

2.3. Tiêu chí số 3 về thủy lợi

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên.

- Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Xã có 16 tuyến kênh mương, thủy lợi với tổng chiều dài 50,3 km, đã kiên cố hóa được 45,3/50,3 km đạt tỷ lệ 90,05% đáp ứng nhu cầu tưới tiêu cho 81% diện tích đất sản xuất nông nghiệp. Các công trình thủy lợi thường xuyên duy tu, sửa chữa, nâng cấp đáp ứng yêu cầu tưới tiêu, phục vụ sản xuất, dân sinh; hạ tầng thủy lợi được đầu tư đã góp phần tăng diện tích tưới tiêu thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp thâm canh, tăng vụ nâng cao hệ số sử dụng đất.

Duy trì 14 tổ bảo vệ vận hành các công trình thủy lợi, công tác kiểm tra, bảo vệ được đảm bảo, vận hành có hiệu quả đảm bảo tính bền vững, đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh, và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

c) Đánh giá: **Đạt tiêu chí.**

2.4. Tiêu chí số 4 về điện

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Hệ thống điện đạt chuẩn.

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt $\geq 95\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Trên địa bàn xã có 10 trạm biến áp với tổng công suất là 100 KVA, toàn bộ hệ thống điện của xã đã đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện. 15/15 bản được sử dụng điện lưới quốc gia, tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn là 1.451/1.491 hộ đạt 97,3%.

c) Đánh giá: **Đạt tiêu chí.**

2.5. Tiêu chí số 5 về trường học

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, Mẫu giáo, Tiểu học, Trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn Quốc gia đạt $\geq 70\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Trên địa bàn xã có 03 trường học. Các trường trong xã có cơ sở vật chất tương đối đảm bảo (đạt cơ sở vật chất) phục vụ công tác học tập và giảng dạy của học sinh và giáo viên trong xã. Trường Tiểu học xã Mường Khoa được công nhận đạt chuẩn Quốc gia, trường Mầm non và THCS đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

c) Đánh giá: **Đạt tiêu chí.**

2.6. Tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã (*Diện tích đất quy hoạch đối với nhà văn hóa đa năng tối thiểu 200 m²; nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng tối thiểu 100 chỗ ngồi, diện tích khu thể thao chưa kể sân vận động rộng 250 m² trở lên*).

- Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao đáp ứng yêu cầu sinh hoạt của trẻ em và người cao tuổi theo quy định (*Đảm bảo điều kiện và nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em*).

- Tỷ lệ thôn, bản có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng đạt 100%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Xã có 01 nhà văn hóa xã với quy mô 200 chỗ ngồi đảm bảo phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao và tổ chức các sự kiện của xã. Hiện có 10/15 bản có nhà văn hóa, đạt 67%; đến năm 2020 xã Mường Khoa thực hiện sáp nhập các bản còn 9 bản, 9/9 bản có nhà văn hóa, đạt 100%; phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao tại các bản được đẩy mạnh.

c) Đánh giá: **Đạt tiêu chí.**

2.7. Tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Xã có chợ nông thôn, hoặc nơi mua bán trao đổi hàng hóa.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Giai đoạn 2016-2020, xã không có quy hoạch chợ. Hiện nay nhân dân mua bán, trao đổi tại chợ thị trấn Tân Uyên.

c) Đánh giá: **Đạt tiêu chí.**

2.8. Tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Xã có điểm phục vụ bưu chính.
- Xã có dịch vụ viễn thông, Internet.
- Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa.
- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Xã có quy hoạch điểm bưu chính viễn thông, tuy nhiên do điều kiện địa phương lượng giao dịch hạn chế nên giao dịch chủ yếu thực hiện thông qua bưu tá hợp đồng với bưu điện Tân Uyên; 15/15 bản được phủ sóng mạng viễn thông, Internet của các nhà mạng Viettel, Vina phone; xã có hệ thống loa không dây đến các bản; UBND xã ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng Internet trong việc quản lý, điều hành.

c) Đánh giá: **Đạt tiêu chí.**

2.9. Tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Không có nhà tạm, dột nát.
- Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định đạt $\geq 75\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Năm 2019, xã thực hiện xóa được 65/65 hộ có nhà tạm, nhà dột nát; hiện nay, trên địa bàn xã không còn nhà tạm, nhà dột nát.

Tổng số hộ trên địa bàn xã có nhà đạt chuẩn 3 cứng theo quy định là 1.150/1.491 hộ chiếm 77,1%.

c) Đánh giá: **Đạt tiêu chí.**

2.10. Tiêu chí số 10 về thu nhập

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 là 36 triệu đồng/người/năm (Năm 2017 ≥ 26 triệu đồng, năm 2018 ≥ 29 triệu đồng, năm 2019 ≥ 33 triệu đồng, năm 2020 ≥ 36 triệu đồng).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Thu nhập bình quân đầu người của xã năm 2019 là 33,2 triệu/người/năm. Năm 2019, công tác phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho nhân dân luôn được UBND xã quan tâm, tập trung chỉ đạo. Vận động nhân dân trồng chè mới năm 2019 đạt 81 ha chè, đưa các giống lúa hàng hóa có chất lượng cao vào sản xuất: lúa Quế râu, Sóng cù... Hỗ trợ các mô hình như: Mô hình nuôi Trâu sinh sản với tổng số 124 con; mô hình nuôi Gà; mô hình trồng cây Mắc ca 50 ha tại bản Phiêng Sản, Phiêng Hào, Phiêng Cúm, Phiêng Khon, chanh leo, mô hình Măng tây,... từ đó đã

tạo việc làm cho Nhân dân, góp phần nâng cao thu nhập gắn với giảm nghèo bền vững cho nhân dân. Ngoài ra, người dân trên địa bàn xã rất tích cực tham gia làm thuê trên địa bàn và các địa bàn khác để nâng cao thu nhập; kế hoạch trong năm 2020 triển khai ngay cho nhân dân trồng các cây công nghiệp ngắn ngày như cây chanh leo, măng tây,...

c) Đánh giá: **Đạt tiêu chí.**

2.11. Tiêu chí số 11 về hộ nghèo

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 chiếm tỷ lệ $\leq 12\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Các chương trình dự án, hạ tầng nông thôn, các chính sách cho đồng bào dân tộc như: Chương trình 135 giai đoạn II, chương trình 30a, các chính sách hỗ trợ cho người nghèo tiếp tục được quan tâm đầu tư. UBND xã đã tổ chức triển khai rà soát, đánh giá hộ nghèo. Năm 2019, tổng số hộ nghèo của xã 171 hộ /1491 hộ chiếm tỷ lệ 11,47%.

c) Đánh giá: **Đạt tiêu chí.**

2.12. Tiêu chí số 12 về lao động có việc làm

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động đạt $\geq 90\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Xã có 4.470 người trong độ tuổi lao động, trong đó 4.140/4.470 người có việc làm thường xuyên, đạt tỷ lệ 92,6%. Chủ yếu là lao động hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và làm các dịch vụ khác.

c) Đánh giá: **Đạt tiêu chí.**

2.13. Tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Xã có Hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Xã có 01 Hợp tác xã Mường Khoa liên kết với các hộ dân trong việc thu mua chế biến sản xuất chè. Trên địa bàn xã đã hình thành những khu vực sản xuất tập trung vùng nguyên liệu Chè.

c) Đánh giá: **Đạt tiêu chí.**

2.14. Tiêu chí số 14 về giáo dục

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) đạt $\geq 70\%$.

- Tỷ lệ lao động có việc làm được đào tạo $\geq 25\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Xã được UBND huyện công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục THCS mức độ 2 và xoá mù chữ mức độ 1 năm 2018 tại Quyết định số 1432/QĐ-UBND ngày 19/10/2018. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục đi học THPT, bổ túc, học nghề năm 2019 đạt 70,2%.

Trong năm 2019 mở 08 lớp đào tạo nghề với 240 học viên. Các lớp đào tạo nghề đã giúp người dân nắm bắt được những kỹ thuật sản xuất mới để áp dụng vào thực tế canh tác của gia đình, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm làm ra và tăng thu nhập cho người nông dân. Tỷ lệ lao động có việc làm được đào tạo 49,55%.

c) Đánh giá: **Đạt tiêu chí.**

2.15. Tiêu chí số 15 về y tế

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế $\geq 85\%$.

- Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) $\leq 26,7\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Xã được công nhận và duy trì đạt chuẩn quốc gia về y tế giai đoạn 2011 - 2020 tại Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 25/6/2014 của UBND tỉnh Lai Châu; chất lượng khám chữa bệnh và tinh thần thái độ phục vụ người bệnh của đội ngũ cán bộ y tế được nâng lên. Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân từng bước được cải thiện; Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế 98%. Số trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) chiếm tỷ lệ 34,8 %.

c) Đánh giá: **Đạt tiêu chí.**

2.16. Tiêu chí số 16 về văn hóa

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định $\geq 70\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Đầu năm 2019 xã đã triển khai đăng ký danh hiệu bản làng văn hóa: 15/15 bản; đăng ký danh hiệu gia đình văn hóa 1.408/1.472 hộ. Sau khi bình xét tại các bản theo đúng quy định, xã làm thủ tục đề nghị UBND huyện xét công nhận 12/15

bản văn hóa, đạt 80%; 1.408/1.472 hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa, đạt 95,7%; 3/3 trường học đạt tiêu chuẩn văn hóa, đạt 100%.

c) Đánh giá: **Đạt tiêu chí.**

2.17. Tiêu chí số 17 về môi trường

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định ($\geq 90\%$; $\geq 50\%$ nước sạch).

- Cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%.

- Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp.

- Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.

- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (sạch nhà, sạch ngõ, sạch bếp) $\geq 70\%$.

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường $\geq 60\%$.

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Toàn xã có 1.491/1.491 hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh (*Nước chủ yếu được lấy từ các khe, suối đầu nguồn*) đạt 100%; tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt 50,1%.

Trên địa bàn xã có 31 cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể trong đó: Có 01 cơ sở khám chữa bệnh (*trạm y tế xã*) được cấp có thẩm quyền phê duyệt đánh giá tác động môi trường, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường; còn lại 30 cơ sở thuộc loại hình kinh doanh nhỏ lẻ, buôn bán hàng tạp hóa,... có diện tích kinh doanh dưới 100 m². Toàn xã có 352 hộ gia đình, cá nhân nuôi trồng thủy sản với diện tích nuôi trồng từ 50 - 1000m². 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh và các hộ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.

Đường ngõ, bản cảnh quan cơ bản Xanh - Sạch - Đẹp, không có cơ sở sản xuất, kinh doanh xả chất thải, rác thải gây ô nhiễm môi trường. Tổ chức trồng cây xanh phân tán tại các khu vực như: Nhà Văn hóa các bản, các trường học,... phù hợp với quy hoạch được phê duyệt và đảm bảo quy định.

Xã có 13 nghĩa địa chôn cất một lần, các nghĩa địa chủ yếu có sẵn từ trước theo phong tục, tập quán mai táng của người dân, nhìn chung các nghĩa địa nằm xa khu dân cư với khoảng cách từ nghĩa địa đến khu dân cư từ 500 - 1km trở lên. Việc mai táng người chết được thực hiện đúng quy định, không gây ô nhiễm môi trường, phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, truyền thống văn hóa và nếp

sống văn minh; không chôn cất tại vườn, khu vực gần dân cư sinh sống, xa khu vực nguồn nước sinh hoạt của người dân.

Trên địa bàn xã có 02 lò đốt rác tập trung, UBND xã thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân trên địa bàn xã thực hiện phân loại, xử lý chất thải rắn sinh hoạt ngay tại hộ gia đình, đối với chất thải rắn hữu cơ như: Rau, củ, quả,... tận dụng làm thức ăn cho gia súc, gia cầm hoặc thu gom tại hố rác của các hộ gia đình để làm phân hữu cơ; đối với chất thải rắn vô cơ như: Túi nilon, vỏ chai,... xử lý bằng phương pháp đốt hoặc tận dụng để tái chế. Đối với chất thải rắn y tế tại Trạm Y tế xã, đã được đầu tư hệ thống lò đốt rác thải y tế để xử lý đốt chất thải rắn y tế theo quy định.

Đối với các bản có công, rãnh tiêu thoát nước mưa, nước thải thường xuyên được khơi thông bảo đảm nhu cầu tiêu thoát nước của bản, không có hiện tượng tắc nghẽn, tù đọng nước thải và ngập úng; các hộ gia đình đã có ý thức xử lý nước thải như bể tự hoại trước khi thải ra môi trường, nước thải không chảy tràn, đổ thải bừa bãi ra đường làng, ngõ xóm, không tạo các vũng nước, ao nước tù đọng.

15/15 bản xây dựng hương ước, quy ước về giữ gìn vệ sinh chung của bản, có sự tham gia của 100% hộ dân, cơ sở sản xuất kinh doanh cam kết thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường và quy định của địa phương về quản lý chất thải, nước thải. Duy trì có hiệu quả việc tổ chức Nhân dân các bản tham gia vệ sinh môi trường, xây dựng cảnh quan Xanh- Sạch - Đẹp vào chiều thứ 7 và Chủ nhật hàng tuần.

Trên địa bàn xã có tổng số 1.200/1.491 hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (sạch nhà, sạch ngõ, sạch bếp) đạt 80,5%; 935/1.491 hộ gia đình có chuồng trại chăn nuôi được bố trí hợp lý, đảm bảo công tác vệ sinh môi trường đạt 62,7%.

c) Đánh giá: **Đạt tiêu chí**

2.18. Tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.
- Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.
- 100 % tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên.
- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.
- Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh".
- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Tổng số cán bộ, công chức toàn xã là 22/23 đồng chí, trong đó: Trình độ Đại học là 11/22 đồng chí, đạt tỷ lệ 50%; Cao đẳng, Trung cấp 10/22 đồng chí, chiếm

tỷ lệ 45,5%; chưa qua đào tạo là 1 đồng chí, chiếm tỷ lệ 4,5 %, trình độ lý luận chính trị từ sơ cấp 18/22 đồng chí, chiếm tỷ lệ 81,8%.

Xã có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở và tổ chức xã hội. Đảng bộ, chính quyền hàng năm đều hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh". Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã cuối năm đều được xếp loại khá trở lên.

Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 21/01/2019 của UBND huyện về việc công nhận UBND các xã (thị trấn) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2018.

Hoạt động trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đối tượng chính sách và phụ nữ được quan tâm thực hiện nhằm tư vấn, bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội, đảm bảo công tác bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực gia đình.

c) Đánh giá: **Đạt tiêu chí.**

2.19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Xây dựng lực lượng Dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.

- Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu nại đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Xã thực hiện tốt việc duy trì nghiêm chế độ trực, tổ chức tuần tra, canh gác đảm bảo an toàn. Lực lượng dân quân xã có 95 thành viên/15 bản, trong năm hoàn thành các chỉ tiêu về quốc phòng. Hoàn thành tốt công tác giao quân đối với 19 thanh niên lên đường nhập ngũ năm 2019. Huấn luyện lực lượng Dân quân năm 2019, kết quả xếp loại khá. Tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã ổn định, không để xảy ra các tình huống đột xuất, bất ngờ. Không xảy ra khiếu kiện đông người, không xảy ra các loại tệ nạn xã hội phức tạp.

c) Đánh giá: **Đạt tiêu chí.**

3. Về tình hình nợ đọng

Đến thời điểm báo cáo xã không có nợ đọng xây dựng cơ bản về xây dựng nông thôn mới.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

Hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn NTM của xã Mường Khoa đầy đủ, đảm bảo về trình tự, thủ tục theo quy định tại Quyết định 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Xã đã thực hiện đảm bảo theo đúng quy

trình rà soát, đánh giá, lấy ý kiến các tổ chức chính trị xã hội, người dân và bộ phiếu xét đề nghị xã đạt chuẩn NTM năm 2019.

2. Kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã Mường Khoa đã được UBND huyện Tân Uyên thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã Mường Khoa đã được UBND huyện Tân Uyên thẩm tra chưa đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là 0/19 tiêu chí, chiếm 0%.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới

Xã không có nợ đọng xây dựng cơ bản về xây dựng nông thôn mới.

III. KIẾN NGHỊ

Đề nghị Đoàn thẩm định NTM tỉnh tổ chức thẩm định hồ sơ, đánh giá mức độ đạt từng tiêu chí của xã Mường Khoa, báo cáo UBND tỉnh xem xét công nhận xã Mường Khoa đạt chuẩn NTM năm 2019.

Trên đây là Báo cáo của UBND huyện Tân Uyên về kết quả thẩm tra thực hiện 19 tiêu chí xây dựng NTM xã Mường Khoa, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu./.

Nơi nhận:

- Đoàn thẩm định tỉnh; (B/c)
- TT. Huyện ủy; (B/c)
- TT. HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- BCĐ XDNTM huyện;
- UBND các xã;
- Các thành viên Đoàn thẩm tra huyện;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Huy Phương

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Xã Mường Khoa, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu

(Kèm theo Báo cáo số: 306 /BC-UBND ngày /12/2019 của UBND huyện)



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	DVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
I. QUY HOẠCH						
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn.		Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.		Đạt	Đạt	Đạt
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI						
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm.	%	100% được nhựa hóa hoặc bê tông hóa; đảm bảo chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m.	100%	Đạt
		2.2. Đường trục thôn, bản và đường liên thôn, bản đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	%	Trên 80% được cứng hóa, đảm bảo chiều rộng nền đường tối thiểu 3,0m, mặt đường tối thiểu 2,0m.	81,0%	Đạt
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa.	%	Tối thiểu 50% được cứng hóa, đảm bảo chiều rộng nền đường tối thiểu 2m, mặt đường tối thiểu 1,5m.	53,3%	Đạt

		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm		Tối thiểu 50% được cứng hóa đảm bảo chiều rộng nên đường tối thiểu 4,0m, mặt đường tối thiểu 3m	52,6%	Đạt
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên.	%	Tỷ lệ diện tích đất trồng lúa nước, rau màu, thủy sản được tưới tiêu nước chủ động đạt 80% trở lên.	81%	Đạt
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh, và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.		Đạt	Đạt	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn.		Đạt	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.	%	≥ 95%	97,3%	Đạt
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia.	%	≥ 70%	100%	Đạt
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã.		Diện tích đất quy hoạch đối với hội trường nhà văn hóa đa năng tối thiểu 200m ² ; Khu thể thao tối thiểu 250m ² (chưa tính sân vận động); quy mô xây dựng hội trường đa năng xã tối thiểu 100 chỗ ngồi; hoặc sử dụng hội trường, trung tâm văn hóa cộng đồng... đã được xây dựng từ trước.	Đạt	Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao đáp ứng yêu cầu sinh hoạt của trẻ em và người cao tuổi theo quy định.		Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao đáp ứng yêu cầu sinh hoạt của trẻ em và người cao tuổi đảm bảo điều kiện và có nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em.	Đạt	Đạt





đạt. Trường hợp chưa đáp ứng được điều kiện trên thì địa bàn xã phải có ít nhất một điểm phục vụ dịch vụ viễn thông công cộng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ điện thoại và dịch vụ truy cập internet theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Thông tin và truyền thông quy định; hoặc có ít nhất một điểm phục vụ dịch vụ bưu chính viễn thông công cộng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ điện thoại và dịch vụ truy cập internet.

8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa.

Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn: Có đài truyền thanh hữu tuyến hoặc vô tuyến được thiết lập đáp ứng các quy định về thiết bị truyền thanh, phân xạ vô tuyến điện, tương thích điện từ và sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền ban hành; Ít nhất 70% số thôn bản trong xã có hệ thống loa hoạt động

Đạt

Đạt

8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

Xã có máy tính phục vụ công tác của cán bộ, công chức, với hệ số máy tính/số cán bộ, công chức của xã đạt tối thiểu là 0,3; máy tính của các cơ quan: Đảng ủy, HĐND, UBND xã có sử dụng dịch vụ truy cập internet băng rộng. Sử dụng ít nhất một trong các phần mềm ứng dụng sau: hệ thống quản lý văn bản và điều hành; hệ thống thu điện tử chính thức của cơ quan Nhà nước; hệ thống 1 của điện tử hoặc công/trang thông tin điện tử

Đạt

Đạt



9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát.		Không	Đạt	Đạt
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định.	%	$\geq 75\%$	77,1%	Đạt
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT						
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 là 36 triệu đồng/người/năm (Năm 2017 ≥ 26 triệu đồng; Năm 2018 ≥ 29 triệu đồng; Năm 2019 ≥ 33 triệu đồng; Năm 2020 ≥ 36 triệu đồng).	Triệu đồng	Đạt	33,2	Đạt
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020.	%	$\leq 12\%$	11,47%	Đạt
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động.	%	$\geq 90\%$	92,6%	Đạt
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của luật hợp tác xã năm 2012.		Đạt	Đạt	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.		Đạt	Đạt	Đạt
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG						
14	Giáo dục	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở.		Đạt	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề).	%	$\geq 70\%$	70,2%	Đạt

		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm được đào tạo.	%	$\geq 25\%$	49,55%	Đạt
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.	%	$\geq 85\%$	98%	Đạt
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.		Đạt	Đạt	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi).	%	$\leq 26,7\%$	34,8 %	Đạt
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định.	%	≥ 70	75%	Đạt
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định.	%	$\geq 90\%$ ($\geq 50\%$ nước sạch)	100% (50,1% nước sạch)	Đạt
		17.2. Cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.	%	100%	100%	Đạt
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp.		Đạt	Đạt	Đạt
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.		Mỗi thôn bản, hoặc liên thôn bản hoặc xã có quy hoạch đất làm nghĩa trang lâu dài; việc mai táng phải phù hợp với quy hoạch, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, truyền thống, văn phong từng dân tộc đảm bảo vệ sinh môi trường và phù hợp với nếp sống văn minh hiện đại, khoảng cách an toàn về môi trường đảm bảo theo quy định XĐVN:01:2008/BXD.	Đạt	Đạt



		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.		Đạt	Đạt	Đạt
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (sạch nhà, sạch ngõ, sạch bếp).	%	≥ 70%	80,5%	Đạt
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.	%	≥ 60%	62,7%	Đạt
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	%	100%	100%	Đạt
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ						
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.		Đạt	Đạt	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.		Đạt	Đạt	Đạt
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh".		Đạt	Đạt	Đạt
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên.	%	100%	100%	Đạt
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.		Đạt	Đạt	Đạt
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.		Đạt	Đạt	Đạt

19	Quốc phòng và an ninh	19.1. Xây dựng lực lượng Dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.	<i>Đạt</i>	Đạt	Đạt
		19.2. Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu nại đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.	<i>Đạt</i>	Đạt	Đạt

